

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2022

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của
Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 130/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước
năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 138/BC-KTNS ngày 02 tháng 12 năm 2021 của
Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2022 với các nội dung như sau:

1. Tổng nguồn vốn đầu tư công ngân sách tỉnh quản lý năm 2022 là 8.648.342 triệu đồng, bao gồm:

a) Kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2022 là 5.852.560 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương là 4.849.560 triệu đồng.
- Nguồn tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước là 3.000 triệu đồng.

- Tiền sử dụng đất, cho thuê đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh, các khu tái định cư, nguồn thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp Nhà nước là 1.000.000 triệu đồng.

b) Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2022 là 2.795.782 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn trong nước là 2.448.914 triệu đồng.
- Vốn nước ngoài là 346.868 triệu đồng.

(chi tiết có Phụ lục số 01 kèm theo)

2. Phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách tỉnh năm 2022, trong đó:

- a) Vốn ngân sách địa phương năm 2022 (chi tiết có Phụ lục số 02 kèm theo).
- b) Vốn ngân sách Trung ương (vốn trong nước) năm 2022 (chi tiết có Phụ lục số 03 kèm theo).
- c) Vốn ngân sách Trung ương (vốn nước ngoài) năm 2022 (chi tiết có Phụ lục số 04 kèm theo).

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 12 năm 2021.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT;
- TT Tỉnh ủy (b/cáo), TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể chính trị;
- Sở Tư pháp, các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy, ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH



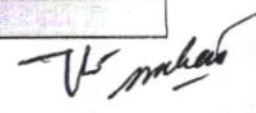
Hồ Quốc Dũng

TỔNG NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục nguồn vốn	Kế hoạch 2022	Ghi chú
	TỔNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022	8.648.342	
*	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	5.852.560	
A	VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG	557.260	
I	Giao huyện, thị xã, thành phố bố trí	153.750	
II	Tỉnh bố trí	403.510	
1	Chuẩn bị đầu tư	20.000	
2	Bố trí cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án	383.510	
B	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	4.000.000	
I	Giao huyện, thị xã, thành phố bố trí	2.400.000	
II	Tỉnh bố trí	1.600.000	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Các công trình hạ tầng phát triển quỹ đất và các khu tái định cư, hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án của tỉnh	400.000	
C	VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT	130.000	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Đối ứng chương trình mục tiêu quốc gia XD NTM	13.000	
D	BỘI CHI NGÂN SÁCH	162.300	Vay lại các dự án ODA
E	NGUỒN TIỀN BÁN NHÀ THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC	3.000	
G	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỪ CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, NGUỒN THOÁI VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP	1.000.000	
**	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.795.782	
A	VỐN TRONG NƯỚC (TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU)	2.448.914	
	<i>Trong đó:</i>		
-	Đầu tư các dự án trọng điểm, liên kết vùng, đường ven biển	800.000	
-	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	654.747	
B	VỐN NƯỚC NGOÀI	346.868	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch ngân sách tỉnh năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG SỐ	5.852.560	
A	VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG	557.260	
*	GIAO HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THỰC HIỆN	153.750	
**	TỈNH BỐ TRÍ	403.510	
A.1	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	20.000	
A.2	BỐ TRÍ CHO DỰ ÁN QUY HOẠCH TỈNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050	5.000	
A.3	XỬ LÝ THANH TOÁN CÁC CÔNG TRÌNH QUYẾT TOÁN	40.000	
A.4	BỐ TRÍ CHO CÁC DỰ ÁN	338.510	
I	CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH, CHUYỂN TIẾP	189.289	
I.1	NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI	84.647	
1	Đường từ QL1A cũ đến Gò Dài và khu dân cư dọc tuyến	10.150	
2	Cải tạo nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng bãi biển Quy Nhơn khu vực dọc tuyến đường Xuân Diệu và An Dương Vương (từ Lý Chiêu Hoàng đến Khách sạn Hoàng Gia)	5.592	
3	Đường cứu hộ, cứu nạn từ QL 1A đến giáp đường ĐT.639 (đường ven biển)	822	
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường số 2 (đoạn kết nối đường ĐT.638 với đường ĐT.639), huyện Hoài Nhơn	2.167	
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Nhà Đá - An Lương, huyện Phù Mỹ	2.300	
6	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối ĐT.633 (Quốc lộ 1) đến ĐT.634, huyện Phù Cát	2.840	
7	Nâng cấp tuyến đường ĐH.42, huyện Tuy Phước	1.200	
8	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 1A cũ đến giáp đường tỉnh lộ ĐT.638, huyện Phù Cát	3.000	
9	Tuyến đường liên xã Hoài Tân từ Quốc lộ 1 đến xã Hoài Xuân, huyện Hoài Nhơn	1.200	
10	Tuyến đường liên xã từ QL1, đoạn Km1132+800 đến Tỉnh lộ ĐT.639	2.176	
11	Khắc phục lũ lụt tuyến đường Suối Le - Tân Xuân	3.000	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch ngân sách tỉnh năm 2022	Ghi chú
12	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Quốc lộ 1 cũ, thị trấn Bồng Sơn	1.700	
13	Cầu Phú Văn (giai đoạn 2)	3.000	
14	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối các điểm di tích văn hóa, lịch sử phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn	1.500	
15	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối Quốc lộ 1 (tuyến đường Tài Lương – Ca Công và tuyến đường Bình Chương – Hoài Mỹ), huyện Hoài Nhơn	4.000	
16	Tuyến đường Hóc Tranh Định Công đi Hà Xuyên Công Lương, xã Hoài Mỹ	1.000	
17	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cầu Bù Nủ đi T4, T5, huyện Hoài Ân	7.000	
18	Tuyến đường giao thông kết nối Khu du lịch Hàm Hồ đến Khu du lịch Thác Đổ, xã Vĩnh An, huyện Tây Sơn	5.000	
19	Đường từ ĐT.640 vào Tháp Bình Lâm	5.000	
20	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường GTNT trên địa bàn huyện Phù Cát bị hư hỏng, xuống cấp do thi công dự án Đường trục Khu kinh tế nổi dài	1.500	
21	Đường liên huyện Phù Cát - Thị xã An Nhơn, nối từ đường trục KKT nổi dài (xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát) đến tỉnh lộ ĐT. 631 (xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn)	3.500	
22	Cầu Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn	5.000	
23	Xây dựng tuyến kè từ cầu Đập Đá cũ đến giáp cầu xe lửa, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn	1.000	
24	Nâng cấp, mở rộng mặt đường ĐT.631 (đoạn từ ngã ba Bàu Sáo, phường Nhơn Hưng, đến chợ Quán Mới, xã Nhơn Hạnh)	5.000	
25	Nâng cấp, mở rộng mặt đường ĐT.636 (đoạn từ đường sắt phường Bình Định đến ngã tư giao nhau với đường Tây Tinh)	6.000	
1.2.	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	64.627	
1	Đê Gò Chòi, khu vực Long Quang, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn	210	
2	Sửa chữa, nâng cấp Tràn xả lũ đập Cẩm, xã Hoài Châu, huyện Hoài Nhơn	415	

Thư ký

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch ngân sách tỉnh năm 2022	Ghi chú
3	Sửa chữa, gia cố đê suối Chánh Thắng, xã Cát Thành, huyện Phù Cát	1.519	
4	Kè soi ông Thức, khu vực Long Quang, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn	748	
5	Kè dọc sông An Tượng (Kè Gò Me – Nhơn Thọ), thị xã An Nhơn	1.769	
6	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn	4.865	
7	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm 2/9 xã Phước Thành, huyện Tuy Phước	1.108	
8	Kè chống sạt lở khu dân cư làng Canh Phước	1.000	
9	Kè Thuận Thái, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn	1.481	
10	Hệ thống kênh tưới Phước Thuận	1.076	
11	Kè sông Gò Chàm (đoạn nối tiếp), khu vực Phò An, phường Nhơn Hưng	687	
12	Kè chống xói lở bờ Nam sông Lại Giang (đoạn từ cầu đường sắt đến cầu ông Châu)	2.000	
13	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ	3.000	
14	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Đức, huyện Phù Mỹ	3.000	
15	Kè sông Kôn (đoạn bờ ông Lộc, khu vực Phụ Quang)	1.500	
16	Kè sông Sứ, xã Nhơn Phúc, thị xã An Nhơn	1.000	
17	Nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Chánh (giai đoạn 2)	549	
18	Cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ	1.500	
19	Đê suối Kiều Duyên (từ cầu Tri Châu – đồng Xà Len)	2.500	
20	Kè sông Gò Chàm khu vực Tiên Hòa, phường Nhơn Hưng	2.000	
21	Kè sông Thạch Đề từ trạm bơm đội 5 Bằng Châu, phường Đập Đá đến giáp ranh cầu Bến Trén, khu vực Lý Tây, phường Nhơn Thành	1.400	
22	Cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Châu	3.000	
23	Đê Bờ Mọ, phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn	2.000	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch ngân sách tỉnh năm 2022	Ghi chú
24	Đê đội 12 khu vực Vạn Thuận, phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn	1.500	
25	Kè Thiết Trảng, xã Nhơn Mỹ	1.500	
26	Kè ngăn lũ khu dân cư và xây dựng mới Cầu Soi, thôn tường Sơn; cầu cây Vừng thôn Hy Tường xã Hoài Sơn	2.000	
27	Nhà máy cấp nước sinh hoạt xã Cát Trinh và xã Cát Tân, huyện Phù Cát	5.000	
28	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Phước Lộc, Phước Hiệp và vùng phụ cận huyện Tuy Phước	5.000	
29	Kè bảo vệ khu dân cư dọc bờ sông Hoài Hải, đoạn từ thôn Kim Giao Nam đến thôn Kim Giao Bắc (giai đoạn 1)	2.000	
30	Kè chống xói lở và hệ thống ngăn mặn thôn Trường Xuân Tây, xã Tam Quan Bắc	5.000	
31	Tràn phân lũ phía bờ tả sông An Tượng (phía thượng lưu, vùng tràn Lỗ Ổi), thị xã An Nhơn	1.500	
32	Kè đoạn từ bãi cát phía trên cầu Trường Thi đến đập Thạnh Hòa thuộc địa bàn phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn (giai đoạn 2)	1.200	
33	Kè chống sạt lở bờ sông Lại Giang, thôn Vĩnh Phụng 2, xã Hoài Xuân	1.600	
1.3	HẠ TẦNG KỸ THUẬT, KHU DÂN CƯ, KHU TÁI ĐỊNH CƯ	9.821	
1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp Nhơn Hòa	1.033	
2	Xây dựng chợ Trung tâm xã Canh Hiệp	1.521	
3	Xây dựng Khu tái định cư di dời khẩn cấp 36 hộ dân sống trong vùng sạt lở tại Núi Gành, thôn Đức Phổ 1, xã Cát Minh, huyện Phù Cát	567	
4	Hệ thống thoát nước dọc tường rào phía Tây Trụ sở làm việc Công an thị xã Hoài Nhơn	1.000	
5	Xây dựng các hạng mục công trình thuộc Đề án Phát triển làng nghề sản xuất cây Mai vàng Nhơn An	1.500	
6	Làng nghề tiện gỗ mỹ nghệ Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn - Hạng mục xây dựng hạ tầng kỹ thuật chung	1.200	
7	Hệ thống lò đốt rác thải xã An Hòa, huyện An Lão	3.000	
1.4.	VĂN HÓA VÀ THỂ THAO	2.106	
1	Khu di tích mộ Võ Xán	482	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch ngân sách tỉnh năm 2022	Ghi chú
2	Xây dựng mái che của bể bơi tại Trung tâm hoạt động Thanh thiếu nhi tỉnh Bình Định	1.624	
I.5.	QLNN - QPAN	23.088	
1	Cải tạo, mở rộng Trụ sở HĐND và UBND xã Tây Vinh, huyện Tây Sơn	481	
2	Xây dựng trụ sở HĐND và UBND thị trấn Diêu Trì	607	
3	Trạm Kiểm soát Biên phòng Cát Tiến	2.000	
4	Trạm Kiểm soát Biên phòng Mũi Tấn	2.000	
5	Nhà làm việc BCH QS cấp xã	15.000	
6	Cải tạo cơ sở thực hành số 20 Trần Thị Kỳ thị xã An Nhơn (CĐT: Trường Cao đẳng Bình Định)	3.000	
I.6.	Y TẾ	5.000	
1	Cải tạo hệ thống điện của BVĐK tỉnh Bình Định	5.000	
II	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2022	149.221	
II.1.	QLNN-QPAN	37.500	
1	Trụ sở làm việc của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	22.000	
2	Trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư	12.500	
3	Nhà làm việc Liên minh hợp tác xã tỉnh	3.000	
II.2.	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	45.021	
1	Xây dựng mới Trường THPT để giảm tải Trường THPT Hùng Vương	5.000	
2	Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn	40.021	
II.3.	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2022 (BỔ SUNG TỪ NGUỒN 900 TỶ ĐỒNG)	66.700	
*	Khởi huyện	22.200	
1	Trường THCS Phước Mỹ	1.000	
2	Trụ sở UBND xã Nhơn Mỹ	1.000	
3	Trường THCS Tam Quan Nam, hạng mục: nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng	1.000	
4	Trạm Y tế xã Hoài Châu Bắc, huyện Hoài Nhơn	1.000	
5	Trạm y tế xã Cát Hải, huyện Phù Cát	1.000	
6	Xây dựng cầu Bờ Mun, huyện Phù Mỹ	4.000	
7	Trạm y tế xã Phước An	1.000	
8	Trạm y tế xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước	1.000	
9	Trường THCS Võ Xán; Hạng mục: Xây dựng 16 phòng học, Nhà tập thể Thao và Nhà bộ môn	2.000	
10	Trạm Y tế Ân Hữu	1.000	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch ngân sách tỉnh năm 2022	Ghi chú
11	Trường Tiểu học Vĩnh Hảo (Hạng mục: Nhà hiệu bộ và 8 phòng lớp học)	1.500	
12	Trạm y tế thị trấn Vĩnh Thạnh	700	
13	Trường mầm non Canh Hòa, hạng mục: Xây dựng 02 phòng học, nhà ăn, bếp, nhà hiệu bộ, nhà vệ sinh, sân bê tông và cổng ngõ tường rào	1.000	
14	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối thị trấn An Lão với trung tâm xã An Dũng mới, huyện An Lão	5.000	
**	Khối tỉnh	44.500	
1	Nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục nhà làm việc Văn phòng UBND tỉnh (giai đoạn 1)	3.000	
2	Trạm Kiểm soát Biên phòng Cát Hải	1.500	
3	Cải tạo, sửa chữa Nhà khoa Khám BVĐK tỉnh Bình Định	2.500	
4	Hệ thống thiết bị sản xuất chương trình phát thanh	1.500	
5	Sửa chữa, cải tạo, cơ sở chính số 130 Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn thuộc Trường Cao đẳng Y tế Bình Định. HM: Sửa chữa, cải tạo các dãy nhà làm việc, hội trường, nhà lớp học, nhà khách, thư viện, nhà bảo vệ, tường rào cổng ngõ và xây dựng các công trình phụ khác	3.000	
6	Hạt Kiểm lâm liên huyện Tuy Phước - TP. Quy Nhơn	2.000	
7	Dự án: Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn	4.000	
8	Khu Di tích lịch sử Chiến thắng Thuận Hạng	500	
9	Dự án Bể bơi lớn (bể bơi huấn luyện và thi đấu) tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh (HM: Hệ thống máy lọc tuần hoàn bể bơi; Cải tạo, sửa chữa hạ tầng cảnh quan khuôn viên bể bơi; Cải tạo, sửa chữa Nhà điều hành bể bơi và các hạng mục phụ trợ)	3.000	
10	Trường THPT Ngô Lê Tân	2.500	
11	Xây dựng mới khoa Truyền nhiễm - Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	3.000	
12	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi La Tinh	15.000	
13	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn, hạng mục: Khu điều trị bệnh nhân và các hạng mục phụ trợ	3.000	
B	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	4.000.000	
*	GIAO HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THỰC HIỆN	2.400.000	
**	TỈNH BỐ TRÍ	1.600.000	
B.1	TRẢ NỢ VAY NGÂN SÁCH	31.700	
B.2	HỖ TRỢ HỢP TÁC BÊN LÀO	1.500	

Thị trấn

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch ngân sách tỉnh năm 2022	Ghi chú
B.3	CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ, HỖ TRỢ, BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG CÁC DỰ ÁN CỦA TỈNH	400.000	Bố trí theo Phụ lục số 06 Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 và các Nghị quyết sửa đổi bổ sung khác của HĐND tỉnh Bình Định (Ưu tiên thu hồi tạm ứng)
B.4	BỐ TRÍ CHO CHƯƠNG TRÌNH BÊ TÔNG XI MĂNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN VÀ KIẾN CỐ HÓA KÊNH MƯƠNG	60.000	
B.5	ĐỐI ỨNG CÁC CTMTQG	25.000	
B.6	CHI PHÍ THẨM TRA PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ HOÀN THÀNH	4.000	
B.7	BỐ TRÍ CHO CÁC DỰ ÁN	1.077.800	
I	ĐỐI ỨNG ODA	74.488	
1	Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	3.817	
2	Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định	9.000	
3	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập WB8	3.000	
4	Dự án Phục hồi và quản lý bảo vệ bền vững rừng phòng hộ (JICA2)	1.000	
5	Cung cấp trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	5.657	
6	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)	50.000	
7	Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP), tỉnh Bình Định	2.014	
II	CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH, CHUYÊN TIẾP	611.312	
II.1	NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI	304.131	
1	Nâng cấp tuyến đường ĐT.638 (đường phía Tây tỉnh), đoạn Km137+580 - Km143+787	1.390	
2	Đường nối từ đường trục KKT Nhơn Hội đến Khu tâm linh chùa Linh Phong	3.174	
3	Xây dựng cầu vào trụ sở mới Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy, bộ Bình Định	13.972	
4	Nâng cấp, mở rộng đường qua các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia đặc biệt và các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia trên địa bàn huyện Tây Sơn (giai đoạn 1)	12.000	
5	Cầu kết nối từ Trung tâm hành chính xã An Trung đến xã An Dũng mới, huyện An Lão	2.500	



Trang 7/19

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch ngân sách tỉnh năm 2022	Ghi chú
6	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi	50.168	
7	Tuyến đường trục Khu kinh tế nối dài từ Km0+00 đến Vĩnh Mai Hương	20.000	
8	Tuyến đường liên khu vực kết nối từ tuyến đường đi Nhơn Lý đến khu lõi đô thị	15.000	
9	Đường trục Khu kinh tế nối dài, đoạn Km4+00 - km18+500	29.200	
10	Mở rộng đường vào sân bay Phù Cát (đoạn từ Quốc lộ 1 đến cổng sân bay Phù Cát)	22.000	
11	Tuyến đường trục Đông - Tây kết nối với tuyến đường phía Tây tỉnh (ĐT 638) đoạn Km137+580 - Km143+787	50.000	
12	Nâng cấp mở rộng đường ĐT.630 kết nối trung tâm huyện Hoài Ân với thị xã Hoài Nhơn (qua cầu Phú Vãn)	20.000	
13	Sửa chữa nâng cấp tuyến đường Nhơn Hội - Nhơn Hải (đoạn từ Khu du lịch Hải Giang đến nút giao với đường N1)	20.000	
14	Dự án Đường tuần tra bảo vệ rừng Khu di tích thành đá Tà Kơn và Đường vào suối Tà Má	10.000	
15	Tuyến đường từ Khu dân cư kết nối lên cột cờ và Hải đăng phục vụ du lịch kết hợp quốc phòng, an ninh trên đảo Cù Lao Xanh	1.100	
16	Đường Điện Biên Phủ nối dài (đoạn từ Lâm Văn Tương đến Quốc Lộ 19 mới)	229	
17	Tuyến đường trung tâm lõi đô thị thuộc Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội	2.110	
18	Khắc phục sửa chữa, đảm bảo đi lại tuyến đường Canh Thuận - Canh Liên, huyện Vân Canh	873	
19	Đường phía Tây tỉnh (ĐT.639B) (HM: Km130+00 – Km 137+580)	3.215	
20	Khắc phục cấp bách tuyến đường từ xã Ân Hảo Tây, huyện Hoài Ân đi xã An Hòa, huyện An Lão, kết hợp sử dụng làm đường tránh ngập phía Tây tuyến ĐT.629 trong mùa mưa lũ	1.200	
21	Hoàn trả tuyến đường từ nghĩa trang liệt sỹ An-Hòa đến công trình hồ chứa nước Đồng Mít	1.000	
22	Đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu Đô thị Diêm Văn	25.000	
II.2.	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	102.070	
1	Đập dâng Lão Tâm, xã Cát Thắng, huyện Phù Cát	9.700	

Thư *nhân*

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch ngân sách tỉnh năm 2022	Ghi chú
2	Hệ thống tưới, tiêu Tà Loan	100	
3	Hợp phần Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Hồ chứa nước Đồng Mít	19.000	
4	Khắc phục lũ lụt sạt lở Kè chống sạt lở bờ sông La Tinh	4.500	
5	Kè chống sạt lở kết hợp bến cập tàu Cảng cá Tam Quan (giai đoạn 1)	270	
6	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đồng Đèo 2, xã Mỹ Châu, huyện Phù Mỹ	1.200	
7	Sửa chữa, nâng cấp hồ Suối Mây, thị trấn Vân Canh	1.900	
8	Khắc phục lũ lụt sạt lở Kè chống sạt lở bờ sông Kôn	4.000	
9	Khắc phục lũ lụt sạt lở Kè chống sạt lở khu sản xuất tái định cư hồ Đồng Mít, sông An Lão	1.000	
10	Khắc phục lũ lụt sạt lở Khắc phục sạt lở mái kênh và bồi lấp lòng dẫn kênh Văn Phong	1.500	
11	Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở đầm Đề Gi kết hợp giao thông, đoạn từ cầu Ngòi đến cảng Đề Gi, huyện Phù Cát	10.000	
12	Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở sông Kim Sơn, phường Hoài Đức, thị xã Hoài Nhơn	500	
13	Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở, ngăn lũ sông Lại Giang, đoạn qua khu dân cư Phú An, phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn.	2.800	
14	Hệ thống kênh tưới hồ Đồng Mít	15.000	
15	Trồng cây hoa Anh đào, cây Mai anh đào, cây Phượng tím tại Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng xã Vĩnh Sơn	600	
16	Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn	10.000	
17	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt huyện Phù Cát	20.000	
II.3.	LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	715	
1	Đền thờ các liệt sĩ Sư đoàn 3 Sao vàng tại xã Bình Tân, huyện Tây Sơn (Khu tưởng niệm liệt sĩ Thuận Ninh)	715	Chi phí BT, GPMB
II.4.	QLNN - QPAN	62.656	
1	Trạm Kiểm lâm Bắc sông Kôn	205	
2	Trụ sở làm việc Trạm Kiểm lâm Đồng Le, huyện Tây Sơn	460	
3	Trạm kiểm dịch động vật Cù Mông	191	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch ngân sách tỉnh năm 2022	Ghi chú
4	Doanh trại Đại đội trinh sát/BCHQS tỉnh Bình Định (Giai đoạn 2)	5.000	
5	Doanh trại dBB52/e739	4.000	
6	Nhà làm việc 2A Trần Phú	30.000	
7	Sửa chữa nhà làm việc 2B Trần Phú	6.800	
8	Trụ sở làm việc Phòng Cảnh sát Giao thông thuộc Công an tỉnh Bình Định	10.000	
9	Xây dựng, cải tạo trụ sở làm việc của Sở Tài nguyên và Môi trường	2.000	
10	Đường hầm Sh02-BĐ13	4.000	
II.5.	Y TẾ	18.190	
1	Trung tâm Y tế huyện Vân Canh; hạng mục: Sửa chữa, cải tạo nâng cấp Nhà điều trị Nội nhi và nhà xét nghiệm + X Quang	600	
2	Mở rộng Bệnh viện mắt Bình Định	2.000	
3	Sửa chữa, cải tạo Khoa sản và Khoa nhi sơ sinh thuộc BVĐK tỉnh Bình Định	1.500	
4	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn, hạng mục Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp khoa phụ sản, khoa nhi, khoa xét nghiệm cũ thành đơn nguyên cấp cứu nhi và nhi sơ sinh; Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp khoa hồi sức cấp cứu thành khu hồi tỉnh sau mổ và hành lang chính	590	
5	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	1.000	
6	Hệ thống thoát nước mưa và Đầu nối hệ thống thoát nước thải sau xử lý của BVĐK tỉnh	4.000	
7	Bệnh viện Lao và bệnh phổi Bình Định; Hạng mục: Cải tạo khoa Lao, khoa bệnh Phổi, khoa Chẩn đoán hình ảnh - xét nghiệm	1.500	
8	Cải tạo, sửa chữa Nhà Mổ thuộc Khoa Phẫu thuật – Gây mê hồi sức thuộc dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	3.000	
9	Cải tạo, xây dựng hành lang cầu nối kết nối toàn bộ các khoa, phòng và cải tạo cảnh quan sân vườn, đường nội bộ trong khuôn viên BVĐK tỉnh Bình Định	4.000	
II.6.	HẠ TẦNG KỸ THUẬT, KHU DÂN CƯ, KHU TÁI ĐỊNH CƯ	74.800	
1	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	50.000	

Trần Văn Minh

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch ngân sách tỉnh năm 2022	Ghi chú
2	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	20.000	
3	Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Bình Định	4.800	
II.7.	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	24.650	
1	Mở rộng trường Cao Đẳng Bình Định (HM: Nhà thực hành nghề số 1)	16.650	
2	Trường THPT Tăng Bạt Hổ (HM: Nhà lớp học 03 tầng 15 phòng)	2.500	
3	Trường THPT Nguyễn Trường Tộ. HM: Nhà lớp học, bộ môn và chức năng 03T (04PH, 06BM, 02PCN)	4.000	
4	Trường THPT số 3 Tuy Phước, huyện Tuy Phước. HM: NHB	1.500	
II.8.	THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	11.100	
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng, giai đoạn 2021-2025 (Số hóa tài liệu tại lưu trữ lịch sử đảng của Tỉnh ủy Bình Định)	1.100	
2	Đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng của mô hình Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	10.000	
II.9.	VĂN HÓA VÀ THỂ THAO	13.000	
1	Xây dựng, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích tại tháp Bánh Ít	7.000	
2	Xây dựng Đền thờ Võ Văn Dũng	3.000	
3	Sửa chữa Sân Vận động Quy Nhơn (hạng mục: Thay thế mới hệ thống đèn chiếu sáng Sân vận động; Cải tạo, sửa chữa khán đài A)	3.000	
III	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2022	392.000	
III.1.	NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI	245.000	
1	Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến - Diêm Vân	50.000	
2	Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại	30.000	
3	Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	30.000	
4	Tuyến đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ	25.000	
5	Xây dựng tuyến đường tránh phía nam thị trấn Phú Phong	50.000	

Thư ký

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch ngân sách tỉnh năm 2022	Ghi chú
6	Xây dựng tuyến Đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới	60.000	
III.2.	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	82.000	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng cảng cá Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn	20.000	
2	Đập dâng Hà Thanh 1, huyện Vân Canh	10.000	
3	Nâng cấp các hồ, đập, đê, kè xuống cấp	52.000	
	Trong đó:		
3.1	Đập ngăn mặn An Mỹ, xã Mỹ Cát, huyện Phù Mỹ	14.000	
3.2	Kè chống sạt lở Thế Thạnh - Phú Văn, xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân	6.000	
3.3	Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp giai đoạn 2021-2025	32.000	
III.3.	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	11.500	
1	Đầu tư, xây dựng các Trường THPT được di chuyển, sắp xếp lại theo quy hoạch giai đoạn 2021-2025 (HM: Trường THPT Nguyễn Hữu Quang, Trường THPT Phan Bội Châu)	5.000	
2	Xây dựng, sửa chữa Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Bình Định	3.000	
3	Trường Chính trị tỉnh (Khu Hiệu bộ, Trang thiết bị, Hội trường tầng 3, khu nội trú, sân trường, cột cờ, bảng điện...)	3.500	
III.4.	Y TẾ	37.000	
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn (phần mở rộng)	2.000	
2	Nâng cấp mở rộng bệnh viện Đa khoa tỉnh (xây dựng mới đơn nguyên)	20.000	
3	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn - Nhà Điều trị 251 giường - Hệ thống khí y tế	3.000	
4	Cải tạo, sửa chữa khu nhà hành chính, tường rào cổng ngõ của Bệnh viện đa khoa tỉnh	5.000	
5	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn, hạng mục Khoa Truyền nhiễm	7.000	
III.5.	QLNN - QPAN	11.000	
1	Kho lưu trữ chuyên dụng Bình Định	3.000	
2	Sửa chữa, nâng cấp nhà làm việc Văn phòng Tỉnh ủy - 102 Nguyễn Huệ	5.000	
3	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc của Sở Nội vụ	3.000	
III.6.	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	5.500	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch ngân sách tỉnh năm 2022	Ghi chú
1	Đầu tư tiềm lực cho Trung tâm Phân tích và Đo lường Chất lượng giai đoạn 2021 - 2025 Trong đó: Hạng mục: Xây dựng nhà làm việc (vốn đầu tư phát triển)	3.500	
2	Trạm nghiên cứu thực nghiệm khoa học và công nghệ thuộc Trung tâm Thông tin - Ứng dụng khoa học và công nghệ Bình Định, tại Phước An, Tuy Phước, Bình Định; HM: Nhà nuôi trồng nấm ăn, nấm dược liệu; cải tạo NC trạm biến áp và đường dây trung, hạ thế	2.000	
C	VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT	130.000	
C.1	ĐỐI ỨNG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XD NTM	13.000	
C.2	BỐ TRÍ CHO CÁC DỰ ÁN	117.000	
I	CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH, CHUYỂN TIẾP	117.000	
I.1	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	65.720	
1	Trường Tiểu học Ân Phong, hạng mục Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng (điểm An Hòa)	524	
2	Trường tiểu học Ân Hảo Đông (điểm Hội Trung), hạng mục Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng	565	
3	Trường THCS Nhơn Hậu - Hạng mục Xây dựng nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng	700	
4	Trường tiểu học số 3 Bồng Sơn - Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng	662	
5	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hoài Phú, huyện Hoài Nhơn - Hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng	569	
6	Trường Tiểu học số 2 Cát Trinh - Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 10 phòng	922	
7	Trường Mẫu giáo bán trú xã Cát Hanh, hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng và các phòng chức năng	1.005	
8	Trường Tiểu học Cát Chánh (điểm trường Chánh Hội), hạng mục: Nhà 02 tầng 08 phòng (04 phòng học và 04 phòng chức năng)	1.034	
9	Trường Tiểu học số 2 Mỹ Hiệp, hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng	339	
10	Trường Mẫu giáo Mỹ Quang (hm: Xây dựng 03 phòng học và 01 phòng đa chức năng)	589	
11	Trường tiểu học Hoài Đức – Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng	286	
12	Trường Mẫu giáo Tây An – Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng	1.173	

Th. nhơn

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch ngân sách tính năm 2022	Ghi chú
13	Trường THCS Bình Hòa; hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 04 phòng	557	
14	Trường Mẫu giáo Hoài Mỹ, bổ sung hạng mục: Nhà bếp, tường rào, công ngõ	471	
15	Trường Mẫu giáo Canh Hiền	439	
16	Trường Mẫu giáo phường Nhơn Thành (điểm chính Tiên Hội) 05 phòng (2 phòng học + 3 phòng bộ môn)	428	
17	Trường PT DT bán trú Đình Ruối	463	
18	Trường THCS Ân Thạnh; hạng mục: Xây dựng 08 phòng học, 04 phòng bộ môn và hiệu bộ	1.500	
19	Trường THCS Tăng Bạt Hổ. HM: XD mới nhà lớp học 06 phòng, 04 phòng bộ môn và nhà hiệu bộ	1.500	
20	Trường mầm non Ân Hữu (Điểm chính) nhà lớp học 02 tầng 06 phòng	1.300	
21	Trường THCS Ân Tường Tây (NBM 02 tầng 06 phòng)	2.500	
22	Trường mầm non Ân Tường Đông (nhà lớp học 02 tầng 06 phòng)	1.700	
23	Trường THCS Ân Nghĩa, 6 phòng học 2 PBM và khu hiệu bộ	3.000	
24	Trường Mẫu giáo bán trú xã Cát Tiến, hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng, Nhà hiệu bộ và Nhà ăn + bếp	2.370	
25	Trường Trung học cơ sở Cát Tài, hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng	1.500	
26	Trường THCS Mỹ Tài, hạng mục: Nhà lớp học bộ môn 02 tầng 06 phòng	1.200	
27	Trường THCS Mỹ Trinh, hạng mục: Nhà bộ môn 2 tầng 4 phòng	1.000	
28	Trường THCS Tây An – Hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng	1.788	
29	Trường THCS Võ Xán; hạng mục: nhà lớp học 02 tầng, 16 phòng	2.000	
30	Trường THCS Tây Vinh; hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 04 phòng	1.000	
31	Trường mầm non Bình Thành. HM: Xây dựng 04 phòng học và 01 phòng chức năng	1.065	
32	Trường Tiểu học Bình Tân; hạng mục: Xây dựng 04 phòng chức năng và khu hiệu bộ	1.500	

V. Minh

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch ngân sách tỉnh năm 2022	Ghi chú
33	Trường mầm non Phú Phong; Hạng mục: Xây mới nhà lớp học 02 tầng 12 phòng, bếp ăn 01 chiều	4.000	
34	Trường mầm non Phước Sơn	800	
35	Trường TH thị trấn Vĩnh Thạnh. HM: NLH02T10P	1.526	
36	Trường mẫu giáo Vĩnh Hiệp. HM: NLH06, nhà ăn, bếp và nhà hiệu bộ	2.675	
37	Trường Mẫu giáo Nhơn Hòa (điểm chính Tân Hòa) 02 tầng 08 phòng (5 phòng học +3 phòng chức năng)	1.500	
38	Trường Mầm non Hoài Sơn - Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng và nhà bếp	1.200	
39	Trường TH số 2 Hoài Mỹ. HM: NLH, nhà bộ môn 02T08P	630	
40	Trường THCS Hoài Thanh. HM: Nhà bộ môn 02T06P và Nhà hiệu bộ	1.000	
41	Trường THCS Hoài Đức. Hạng mục: nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng, nhà hiệu bộ, tường rào	1.200	
42	Trường TH số 1 Hoài Tân; hạng mục: Nhà lớp học, nhà bộ môn 03 tầng 12 phòng; Nhà hiệu bộ và Tường rào	1.000	
43	Trường THCS Hoài Mỹ. HM: Nhà bộ môn, NLH 02T12P và Nhà hiệu bộ	1.200	
44	Trường THCS Đào Duy Từ, hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng	1.000	
45	Trường TH Hoài Châu, hạng mục: Nhà lớp học, nhà bộ môn 02 tầng 14 phòng (08 phòng học + 06 phòng bộ môn) và nhà hiệu bộ	1.000	
46	Trường TH số 2 Tam Quan Bắc, hạng mục: nhà lớp học 03 tầng 12 phòng và nhà hiệu bộ	1.500	
47	Trường tiểu học số 01 Bình Hòa 02 tầng, 06 phòng (04 phòng chức năng, 02 phòng bộ môn)	1.500	
48	Trường THCS Canh Vinh (HM: Xây dựng 03 phòng học, Thư viện)	540	
49	Trường mầm non Canh Liên (HM: Xây dựng 03 phòng học; Nhà hiệu bộ; Nhà ăn; nhà bếp; Khu vệ sinh; Sân bê tông - Cổng ngõ, tường rào)	1.500	
50	Trường Tiểu học số 2 Nhơn Thành (điểm Phú Thành) 02 tầng 06 phòng học	400	
51	Trường Tiểu học số 1 Nhơn Thọ (điểm chính Ngọc Thạnh) 2 tầng 8 phòng (2 phòng học + 6 phòng CN)	900	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch ngân sách tỉnh năm 2022	Ghi chú
52	Trường Tiểu học số 2 Đập Đá (02 tầng 06 phòng chức năng)	900	
53	Trường Tiểu học số 1 phường Bình Định (nhà lớp học 02 tầng 12 phòng)	1.000	
54	Trường Tiểu học số 2 phường Bình Định (điểm chính Thanh Niên) - Hạng mục Nhà chức năng phục vụ học tập 02 tầng 06 phòng	700	
55	Trường Mẫu giáo Hoài Xuân - Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng	1.300	
56	Trường TH số 2 Hoài Thanh, hạng mục: nhà lớp học, nhà bộ môn 02 tầng 12 phòng và nhà hiệu bộ	1.100	
1.2.	Y TẾ	25.883	
1	Sửa chữa, nâng cấp Trạm Y tế TT.Tăng Bạt Hồ	654	
2	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ	279	
3	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã Mỹ Cát, huyện Phù Mỹ	116	
4	Trạm Y tế xã Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn	134	
5	Trạm Y tế phường Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn	1.200	
6	Nâng cấp, sửa chữa Trạm y tế xã Cát Tân	1.000	
7	Xây dựng mới khu nhà điều trị - nhà hành chính của Trung tâm y tế TP Quy Nhơn	20.000	
8	Trạm Y tế xã Hoài Hải, huyện Hoài Nhơn	1.200	
9	Trạm Y tế phường Bồng Sơn, TX Hoài Nhơn	1.300	
1.3.	VĂN HÓA VÀ THỂ THAO	25.397	
1	Xây dựng, tu bổ tôn tạo di tích Đền thờ Văn phong, xã Tây An, huyện Tây Sơn	678	
2	Tượng đài Khởi nghĩa Vĩnh Thạnh	1.057	
3	Nhà Văn hóa trung tâm thị xã An Nhơn	4.000	
4	Nhà Văn hóa xã Cát Hải	619	
5	Dự án Mở rộng, nâng cấp Bảo tàng Quang Trung		
5.1	- Hạng mục: Mở rộng, cải tạo, nâng cấp Nhà trưng bày Bảo tàng (Nâng cấp Bảo tàng Quang Trung); Cải tạo, nâng cấp Nhà tiếp khách; Cải tạo nâng cấp Nhà làm việc	6.500	
5.2	- Hạng mục: Nội thất, trưng bày và bài trí thờ tự tại Khu Đền thờ Tây Sơn Tam Kiệt (tạo hình và xếp đặt, trang trí không gian thờ tự)	238	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch ngân sách tỉnh năm 2022	Ghi chú
6	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi huyện An Lão	4.305	
7	Nâng cấp, mở rộng và tu bổ tôn tạo di tích Địa điểm lịch sử chiến thắng Đèo Nhông, xã Mỹ Phong, huyện Phù Mỹ	5.000	
8	Trung tâm văn hóa - thể thao huyện Hoài Nhơn	3.000	
D	BỒI CHI NGÂN SÁCH	162.300	
E	NGUỒN BÁN NHÀ THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC	3.000	
	CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP HOÀN THÀNH SAU NĂM 2022	3.000	
1	Nhà làm việc Sở Tư pháp	3.000	
G	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỪ CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, NGUỒN THOÁI VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP	1.000.000	
I	CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH, CHUYỂN TIẾP	476.500	
I.1	GIAO THÔNG VẬN TẢI	203.000	
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trần Nhân Tông, thành phố Quy Nhơn (đoạn từ khu dân cư phía Đông Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng đến hết Cầu số 2 qua sông Hà Thanh)	20.000	
2	Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh	33.000	
3	Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Đề Gi - Mỹ Thành	100.000	
4	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi	50.000	
I.2	HẠ TẦNG KỸ THUẬT, KHU DÂN CƯ, KHU TÁI ĐỊNH CƯ	214.500	
1	Hạ tầng kỹ thuật Phân khu số 5 Khu đô thị mới Nhơn Hội	2.500	
2	Hạ tầng kỹ thuật Phân khu số 8 Khu đô thị mới Nhơn Hội	2.000	
3	Khu dân cư dọc tuyến đường nối từ Đường trục KKT đến Khu tâm linh chùa Linh Phong	27.000	
4	Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km0+280, đường trục Khu kinh tế nối dài	50.000	
5	Khu dân cư và tái định cư Vĩnh Hội	90.000	
6	Khu tái định cư Nhơn Phước mở rộng về phía Bắc	19.000	
7	Sửa chữa, nâng cấp Khu tái định cư Cát Tiến (Khu 2)	24.000	
I.3	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	29.000	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch ngân sách tỉnh năm 2022	Ghi chú
1	Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và GPMB Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	4.000	
2	Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	25.000	
I.4	QLNN - QPAN	30.000	
1	Trụ sở làm việc Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Bình Định	30.000	
II	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2022	523.500	
II.1	GIAO THÔNG VẬN TẢI	231.000	
1	Đường phía Tây huyện Vân Canh (từ Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex Bình Định đến Thị trấn Vân Canh)	85.000	
2	Tuyến đường tránh ĐT.633, đoạn từ Núi Ghềnh đến giáp đường ven biển (ĐT.639)	90.000	
3	Xây dựng cầu từ thôn 11 xã Mỹ Thắng đi xã Mỹ Đức, huyện Phù Mỹ	15.000	
4	Sửa chữa, mở rộng cầu Phụ Ngọc	15.000	
5	Nâng cao độ nền mặt đường tuyến ĐT 640 đoạn Km 18+178 - Km 19+231	15.000	
6	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT 636, đoạn qua xã Phước Hòa, Phước Hưng thuộc địa bàn huyện Tuy Phước	1.000	
7	Đường kết nối thị trấn An Lão với đường An Hòa đi Ân Hào Tây	10.000	
II.2	HẠ TẦNG KỸ THUẬT, KHU DÂN CƯ, KHU TÁI ĐỊNH CƯ	150.000	
1	Khu vực 01, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	100.000	
2	Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (giai đoạn 1)	40.000	
3	Hạ tầng kỹ thuật Khu Cải táng thuộc Nghĩa trang nhân dân huyện Tuy Phước	10.000	
II.3	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	75.000	
1	Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ Suối Trầu Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn	50.000	
2	Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn	25.000	
II.4	QLNN - QPAN	8.500	
1	Doanh trại Ban CHQS thị xã Hoài Nhơn	5.000	

Thư ký

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch ngân sách tỉnh năm 2022	Ghi chú
2	Đại đội VKĐ (K6): Tường rào vòng ngoài, Hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy, Nâng cấp mở rộng trạm bảo dưỡng vũ khí; Nhà kho vật chất SSCĐ, Nhà ở chiến sĩ; Nhà vệ sinh; Nhà gác công; Hạ tầng kỹ thuật, Đường bê tông nội bộ tuần tra khu kỹ thuật.	3.500	
II.5	LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	47.000	
1	Cải tạo, sửa chữa Bia lưu niệm nơi thành lập LLVT tỉnh	1.000	
2	Nhà làm việc khôi an ninh, xây dựng lực lượng và Hội trường thuộc Công an tỉnh Bình Định.	5.000	
3	Xây dựng trụ sở làm việc phục vụ công tác cho Công an các xã trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	35.000	
4	Sửa chữa, cải tạo Nhà làm việc P.Tham mưu, Làm sa bàn, Nhà huấn luyện A2, Hạ tầng kỹ thuật Bộ CHQS tỉnh	3.000	
6	Công trình: Sh03-BĐ2021	3.000	
II.6	VĂN HÓA VÀ THỂ THAO	4.000	
1	Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Quốc gia đặc biệt cụm tháp Dương Long	4.000	
II.7	Y TẾ	8.000	
1	Bệnh viện Lao và bệnh phổi Bình Định	5.000	
2	Bệnh viện Tâm thần Bình Định	3.000	

Thư nhân

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch NSTW 2022		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước	
	TỔNG SỐ	2.448.914,000	654.747,000	
I	Trung ương hỗ trợ mục tiêu	2.448.914,000	654.747,000	
I.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang 2021 - 2025	808.832,000	654.747,000	
I	Các chương trình mục tiêu	808.832,000	654.747,000	
a	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	654.747,000	654.747,000	
1	Dự án Quốc lộ 19 đoạn từ Cảng Quy Nhơn đến Quốc lộ 1	268.254,000	268.254,000	
2	Cầu đường Quy Nhơn - Nhơn Hội	62.238,000	62.238,000	
3	CTMT QG giảm nghèo bền vững	41.779,577	41.779,577	
4	Đường đến TT xã Mỹ An - Mỹ Thành	536,330	536,330	
5	Cầu Phong Thạnh	9.686,233	9.686,233	
6	Nâng cấp tuyến đường Ân Phong Ân Tường Đông	3.000,000	3.000,000	
7	Nâng cao năng lực PCCCR tỉnh Bình Định	2.996,659	2.996,659	
8	Khu TĐC vùng thiên tai Bàu Rong, thị trấn Bồng Sơn (giai đoạn I)	2.000,000	2.000,000	
9	Dự án phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung - Bình Định (WB)	12.791,460	12.791,460	
10	Khu TĐC dân ra khỏi vùng thiên tai Gò Núi Một, xã An Tân, huyện An Lão	5.000,000	5.000,000	
11	Khu TĐC dân ra khỏi vùng thiên tai xã Mỹ An	4.000,000	4.000,000	
12	Trạm bơm Gò Cốc, xã Hoài Hào, huyện Hoài Nhơn	14.986,000	14.986,000	
13	Đập An Thuận	39.997,881	39.997,881	
14	Kè chống xói lở bảo vệ khu dân cư xã Hoài Hương và Hoài Xuân, huyện Hoài Nhơn	5.000,000	5.000,000	
15	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Chánh Hùng	12.000,000	12.000,000	
16	Sửa chữa nâng cấp hồ Hóc Xeo	11.895,458	11.895,458	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch NSTW 2022		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước	
17	Sửa chữa, nâng cấp Hồ Hóc Mỹ	2.746,259	2.746,259	
18	Đê Xã Mão huyện Phù Cát	28.999,000	28.999,000	
19	Đê sông Tân An đoạn Phước Quang - Phước Hiệp	30.000,000	30.000,000	
20	Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Đại Sơn GD 2	3.954,430	3.954,430	
21	Tháp Cánh Tiên	388,898	388,898	
22	Dự án vệ sinh môi trường thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 2)	27.266,126	27.266,126	
23	Dự án vệ sinh môi trường thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 1)	2.594,739	2.594,739	
24	Dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy CEPT	20.135,950	20.135,950	
25	Dự án Hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai Việt Nam (Dự án VLAP)	10.000,000	10.000,000	
26	Đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội	27.500,000	27.500,000	
27	Đền bù GPMB Khu kinh tế Nhơn Hội	5.000,000	5.000,000	
b	Bố trí cho dự án thuộc KH 2016 - 2020	154.085,000	0,000	
1	Dự án Quốc lộ 19, đoạn từ cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1: Hỗ trợ giải phóng mặt bằng	46.268,000		
2	Khu khám phá khoa học và Trạm quan sát thiên văn phổ thông thuộc Tổ hợp không gian khoa học	74.800,000		
3	Tổ hợp Không gian khoa học bao gồm Nhà mô hình vũ trụ, Đài quan sát thiên văn phổ thông và Bảo tàng khoa học	20.000,000		
4	Đường trục KKT nối dài (giai đoạn 1) - Hợp phần 1	13.017,000		
1.2	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025	1.640.082,000	0,000	
	Dự án nhóm A	800.000,000	0,000	
1	Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến - Diêm Vân	800.000,000		
	Dự án nhóm B	840.082,000	0,000	
1	Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại	100.000,000		

Handwritten signature

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch NSTW 2022		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ւng trước	
2	Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	100.000,000		
3	Tuyến đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ	100.000,000		
4	Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới	100.000,000		
5	Xây dựng tuyến đường tránh phía nam thị trấn Phú Phong	100.000,000		
6	Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn	200.000,000		
7	Đập dâng Hà Thanh 1, huyện Vân Canh	42.500,000		
8	Xây dựng cơ sở hạ tầng cảng cá Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn	65.082,000		
9	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn (phần mở rộng)	17.500,000		
10	Đầu tư, xây dựng các Trường THPT được di chuyển, sắp xếp lại theo quy hoạch giai đoạn 2021-2025 (HM: Trường THPT Nguyễn Hữu Quang, Trường THPT Phan Bội Châu)	15.000,000		

Thư sàhàb

Phụ lục 04

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN ODA) NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch NSTW (Vốn ODA) năm 2022	Ghi chú
	TỔNG SỐ	346.868	
	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC	346.868	
I	CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH, CHUYỂN TIẾP	173.020	
1	Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP), tỉnh Bình Định	11.162	
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Bình Định	1.000	
3	Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	160.858	
II	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2022	173.848	
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) - Dự án thành phần tỉnh Bình Định	111.275	
2	Cung cấp trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	62.573	

